

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2021
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
Ông Trần Văn Sơn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Việt Tr, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 25, phường H, quận Ng, TP Đ. Bà Tr - có mặt.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 25, phường H, quận Ng, TP Đ. Ông C - có mặt.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có bà Lê Thị Xuân Ph - sinh năm: 1976, Luật sư - Công ty Luật KPK- Chi nhánh Đà Nẵng, thuộc Đoàn luật sư TP. Đà Nẵng - có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt Tr trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Tiến C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ 25, phường H, quận Ng, thành phố

Đ. Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ với nhau trong cuộc sống hằng ngày. Từ năm 2016 tôi về nhà mẹ đẻ sinh sống và ly thân cho đến nay, cả hai chúng tôi không ai còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Trước đây tôi đã nộp đơn ly hôn nhưng được tòa án hòa giải rút đơn về tuy nhiên vẫn không cải thiện được. Do vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Tiến C.

Về con chung: Tôi và ông C có 01 con chung Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 13/12/2016. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà tại số 28 Th, phường H, quận Ng nhưng không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trinh có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân của chúng tôi được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 25, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Mặt khác bản thân tôi cũng có những cái sai lầm thể hiện cái tôi quá lớn đối với vợ và gia đình vợ, tuy nhiên hiện nay tôi đã nhận thức được sai lầm này và đã cố gắng sửa chữa. Năm 2020 bà Tr nộp đơn ly hôn và đã hòa giải, bà Tr đã rút đơn về. Trong thời gian rút đơn đến nay bản thân tôi vẫn quan tâm lo lắng cho vợ con, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Tr vẫn không chịu, nay tôi xác định vẫn còn yêu thương bà Tr nên tôi xin đoàn tụ.

Về con chung: Tôi và bà Trinh có 01 con chung Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 13/12/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn nay tôi đồng ý giao con cho bà Tr nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ con cho đến khi con đủ 18 tuổi

.

Về tài sản chung: Ông C xác định không có.

Về nợ chung: Không có.

**Ý kiến của luật sư bà Lê thị Xuân Ph người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận các yêu cầu sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Việt Tr đối với ông Nguyễn Tiến Cường.

Về con chung: Tại phiên tòa bà T và ông C đã thỏa thuận đồng ý về việc giao con cho bà Tr nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, đề nghị HĐXX công nhận ý kiến này của các bên đương sự.

Về tài sản chung: bà Tr không yêu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Việt Tr đối với ông Nguyễn Tiến C .

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Việt Tr được ly hôn ông Nguyễn Tiến C.

- Về con chung: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của bà Trinh, ông Cường như sau: Giao cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 13/12/2016 cho bà Tr nuôi dưỡng, ông Cường phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Tr không yêu cầu giải quyết, còn ông Cường xác định không có.

- Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Tr và ông C có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, lạnh nhạt tình cảm với nhau. Từ năm 2019 đến nay quan hệ vợ chồng chấm dứt. Nay bà Trinh xác định tình cảm không còn yêu thương ông C nữa bà xin được ly hôn. Còn ông C cũng thừa nhận có những cái sai lầm thể hiện cái tôi quá lớn đối với vợ cũng như gia đình bà Tr, tuy nhiên hiện nay ông đã nhận thức được sai lầm này và đã cố gắng sửa chữa. Năm 2020 bà Tr nộp đơn ly hôn và đã được Tòa án hòa giải về đoàn tụ, ông vẫn quan tâm lo lắng cho vợ con, tìm biện pháp hàn gắn nhưng bà Trinh vẫn không chịu, nay ông xác định vẫn còn yêu thương bà Trinh nên xin đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Tr thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai anh chị đã không còn giữ được điều này. Trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng cũng không tìm kiếm được tiếng

nói chung cũng như không có giải pháp để cùng nhau dung hòa mâu thuẫn cũng như cải thiện lại quan hệ vợ chồng đã chấm dứt từ lâu. Do đó thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có nín kéo cũng không đem lại kết quả gì nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr đối với ông C

là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông Cường.

[4] Về con chung: Bà Tr và ông C có 01 con Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 13/12/2016. Tại phiên tòa hôm nay bà Tr và ông C thỏa thuận được về việc giao con cho bà Trinh nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng nuôi con cho bà Tr mỗi tháng 3.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thấy thỏa thuận này của bà Tr và ông C là phù hợp Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Tr không yêu cầu giải quyết, còn ông C cho rằng không có tài sản chung. Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản nên HĐXX không xem xét phần tài sản chung để xác định có hay không có tài sản. Khi nào các bên đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung thì Tòa án thụ lý sẽ giải quyết bằng một vụ khác và trách nhiệm chứng cứ chứng minh thuộc về các đương sự tại thời điểm đó.

[6] Nợ chung: Bà Tr và ông C xác định không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ nguyên đơn phải chịu theo qui định pháp luật. Án phí trợ cấp nuôi con 300.000đ ông C phải chịu.

Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Nguyễn Thị Việt Tr đối với ông Nguyễn Tiến C.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Việt Tr được ly hôn ông Nguyễn Tiến C.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của bà Trinh, ông Cường như sau: Giao cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 13/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Việt Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tiến C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung: Không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị Việt Tr phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 007272 ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông Nguyễn Tiến C phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Hòa Hải quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Anh